

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-HĐND ngày 26/10/2017 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3993/QĐ-UBND ngày 22/12/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục Bệnh viện Y – Dược cổ truyền tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long; Quyết định số 6901/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 – điều chỉnh cục bộ khu vực nhà điều trị và nhà điều hành, trạm đặt máy bơm nước thải thuộc Bệnh viện Y – Dược cổ truyền tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 112/QĐ-UB ngày 10/01/2005 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ninh; số 4249/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 25/4/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ đầu tư 07 dự án thuộc lĩnh vực Y tế;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp số 734/BDD&CN-KHTH ngày 23/5/2024, số 1172/BDD&CN-KHTH ngày 01/8/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 255/TTr-TNMT ngày 08/8/2024 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, địa chỉ tại tầng 4, tòa nhà Liên cơ quan số 3, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án đầu tư: Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Y dược cổ truyền tỉnh Quảng Ninh.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

1.3. Mã số thuế: 5701416936.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Vị trí dự án: Tại phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; ranh giới tiếp giáp như sau: Phía Đông và phía Bắc giáp khu dân cư hiện có; phía Tây giáp tuyến đường hiện trạng; phía Nam giáp Quốc lộ 18A.

- Tổng diện tích dự án khoảng 2,1 ha.

- Quy mô khoảng 300 giường bệnh.

(Chi tiết thể hiện tại Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư của HĐND tỉnh, Quyết định phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Dự án của UBND thành phố Hạ Long được phê duyệt theo thẩm quyền).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra ngoài môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Hạ Long nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo lên UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 23. tháng 8. năm 2024 đến ngày 23. tháng 8. năm 2034).

Các Giấy phép môi trường thành phần, gồm: Giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành số 3657/GXN-TNMT ngày 10/12/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1657/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 của UBND tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và UBND thành phố Hạ Long tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính hợp lý, hợp pháp, chính xác của các thông tin, số liệu và các nội dung bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được duyệt.

- UBND thành phố Hạ Long chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh trong việc phê duyệt quy hoạch và giám sát quá trình triển khai, hoạt

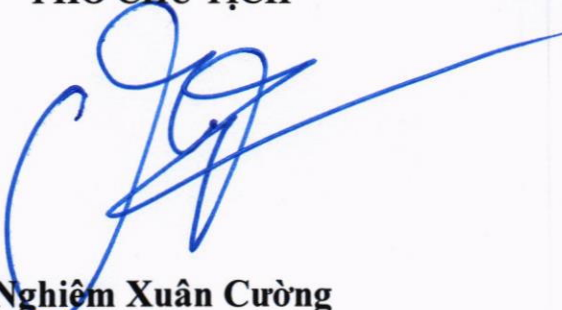
động dự án đảm bảo quy định hiện hành; thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND thành phố Hạ Long; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
 - CT, các PCT UBND tỉnh (b/c);
 - Các sở: XD, KH&CN, YT;
 - Bệnh viện Y dược cổ truyền;
 - Trung tâm PV HCC tỉnh;
 - Công TTĐT Sở TN&MT (đăng tải);
 - V0, V1-3, MT;
 - Lưu: VT, MT;
- 10 bản, M-QĐ 156

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nghiêm Xuân Cường

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2444/GPMT-UBND ngày 23 / 8 /2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải xí tiêu từ bể tự hoại của khu nhà làm việc, hội trường.
- Nguồn số 2: Nước thải lavabo, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của khu nhà làm việc, hội trường.
- Nguồn số 3: Nước thải xí tiêu từ bể tự hoại của nhà điều trị nội trú.
- Nguồn số 4: Nước thải lavabo, nước thải y tế, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của nhà điều trị nội trú.
- Nguồn số 5: Nước thải xí tiêu từ bể tự hoại của khoa chẩn đoán hình ảnh.
- Nguồn số 6: Nước thải lavabo, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của khoa chẩn đoán hình ảnh.
- Nguồn số 7: Nước thải xí tiêu từ khu nhà khám và điều trị ngoại trú.
- Nguồn số 8: Nước thải lavabo, nước thải y tế, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của khu nhà khám và điều trị ngoại trú.
- Nguồn số 9: Nước thải xí tiêu từ nhà sản xuất, điều chế đông dược.
- Nguồn số 10: Nước thải lavabo, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của nhà sản xuất và điều chế đông dược.
- Nguồn số 11: Nước thải xí tiêu từ bể tự hoại của khu nhà ăn, bếp..
- Nguồn số 12: Nước thải lavabo, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của khu nhà ăn, bếp.
- Nguồn số 13: Nước thải nấu ăn tại khu nhà ăn, bếp.
- Nguồn số 14: Nước thải xí tiêu từ bể tự hoại của nhà điều trị 6 tầng.
- Nguồn số 15: Nước thải lavabo, nước thải y tế, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của nhà điều trị 6 tầng.
- Nguồn số 16: Nước thải giặt là tại nhà giặt là của khu nhà điều trị 6 tầng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Biên ven bờ vịnh Hạ Long.



2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: Rãnh thoát nước chung của thành phố Hạ Long khu vực cột 8, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2317627; Y = 435523. (Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất khoảng 220 m³/ngày đêm tương đương khoảng 9,2 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau trạm xử lý tự chảy theo đường ống nhựa vào rãnh thoát nước chung của thành phố Hạ Long khu vực cột 8, phường Hồng Hà sau đó tự chảy ra biển ven bờ vịnh Hạ Long.

- Phương thức xả thải: Tự chảy, xả mặt và ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24h).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 28:2010/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế với hệ số K = 1,0 cụ thể như sau:

| TT | Thông số | Đơn vị | QCVN 28:2010/BTNMT | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động, liên tục |
|----|-------------------------------------|----------------|--------------------|--|---|
| 1 | pH | - | 6,5 – 8,5 | Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ) | Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ) |
| 2 | BOD ₅ (20°C) | mg/l | 50 | | |
| 3 | COD | mg/l | 100 | | |
| 4 | TSS | mg/l | 100 | | |
| 5 | Sulfua (tính theo H ₂ S) | mg/l | 4,0 | | |
| 6 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 10 | | |
| 7 | Nitrat (tính theo N) | mg/l | 50 | | |
| 8 | Phosphat (tính theo P) | mg/l | 10 | | |
| 9 | Dầu mỡ động thực vật | mg/l | 20 | | |
| 10 | Tổng coliforms | MPN/100ml | 5.000 | | |
| 11 | Salmonella | Vi khuẩn/100ml | KPH | | |
| 12 | Shigella | Vi khuẩn/100ml | KPH | | |
| 13 | Vibrio cholerae | Vi khuẩn/100ml | KPH | | |

Ghi chú: KPH: Không phát hiện.

+ Hoạt động khám chữa bệnh không phát sinh nước thải chứa chất phóng xạ, do vậy không phải kiểm soát thông số Tổng hoạt động phóng xạ α, Tổng hoạt

đồng phóng xạ β .

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về trạm xử lý nước thải:

- Nguồn phát sinh hiện trạng:

+ Nguồn số 1: Nước thải xí tiêu từ bể tự hoại của khu nhà làm việc, hội trường → bể tự hoại 3 ngăn → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Nguồn số 2: Nước thải lavabo, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của khu nhà làm việc, hội trường → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Nguồn số 3: Nước thải xí tiêu từ bể tự hoại của nhà điều trị nội trú → bể tự hoại 03 ngăn → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Nguồn số 4: Nước thải lavabo, nước thải y tế, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của nhà điều trị nội trú → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Nguồn số 5: Nước thải xí tiêu từ bể tự hoại của khoa chẩn đoán hình ảnh → bể tự hoại → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Nguồn số 6: Nước thải lavabo, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của khoa chẩn đoán hình ảnh → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Nguồn số 7: Nước thải xí tiêu từ khu nhà khám và điều trị ngoại trú → bể tự hoại → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

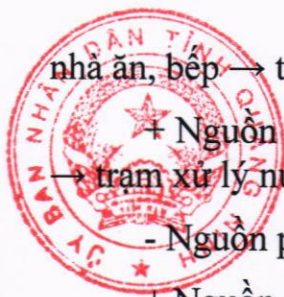
+ Nguồn số 8: Nước thải lavabo, nước thải y tế, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của khu nhà khám và điều trị ngoại trú → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Nguồn số 9: Nước thải xí tiêu từ nhà sản xuất, điều chế đông dược → bể tự hoại → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Nguồn số 10: Nước thải lavabo, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của nhà sản xuất và điều chế đông dược → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Nguồn số 11: Nước thải xí tiêu từ bể tự hoại của khu nhà ăn, bếp → bể tự hoại → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Nguồn số 12: Nước thải lavabo, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của khu



nhà ăn, bếp → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Nguồn số 13: Nước thải nấu ăn tại khu nhà ăn, bếp → bể tách váng dầu → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

- Nguồn phát sinh sau khi đầu tư nâng cấp Bệnh viện:

+ Nguồn số 14: Nước thải xí tiểu từ bể tự hoại của nhà điều trị 6 tầng → bể tự hoại 3 ngăn → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Nguồn số 15: Nước thải lavabo, nước thải y tế, nước thoát sàn từ nhà vệ sinh của nhà điều trị 6 tầng → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Nguồn số 16: Nước thải giặt là tại nhà giặt là của khu nhà điều trị 6 tầng → hệ thống xử lý nước thải giặt là 30 m³/ngày đêm → trạm xử lý nước thải → rãnh thoát nước chung của khu vực.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại 03 ngăn:

- Số lượng: 16 bể.

- Vị trí, dung tích: Đặt ngầm, tổng dung tích khoảng 296 m³, cụ thể:

+ Nhà làm việc, hội trường: 03 bể, dung tích khoảng 16 m³/bể.

+ Nhà điều trị nội trú: 04 bể, dung tích khoảng 25 m³/bể.

+ Nhà khám và điều trị ngoại trú: 01 bể, dung tích khoảng 16 m³.

+ Nhà chẩn đoán hình ảnh: 01 bể, dung tích khoảng 16 m³.

+ Nhà điều trị 6 tầng: 04 bể, dung tích khoảng 21 m³/bể.

+ Nhà sản xuất, pha chế đông dược: 01 bể dung tích khoảng 21 m³.

+ Nhà ăn, bếp: 02 bể dung tích khoảng 16 m³/bể.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi đưa vào trạm xử lý nước thải tập trung. Quy trình xử lý sơ bộ: Nước thải sinh hoạt → ngăn chứa → ngăn lọc → ngăn lắng → nước thải sau xử lý sơ bộ → hồ thu → trạm xử lý nước thải tập trung.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm sinh học, định kỳ 02 lần/năm.

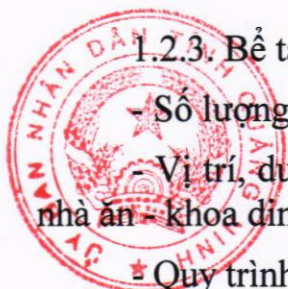
1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải giặt là:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Công suất: 30 m³/ngày đêm. Vị trí đặt ngầm tại phía sau nhà điều trị 6 tầng.

- Quy trình công nghệ: Nước thải giặt là → bể trung hòa → bồn lọc áp lực → hồ thu → trạm xử lý nước thải tập trung.

- Hóa chất sử dụng: Không.



1.2.3. Bể tách váng dầu mỡ:

- Số lượng: 01 bể.

- Vị trí, dung tích: 03 ngăn, thể tích khoảng 6,7 m³, đặt ngầm tại phía sau nhà ăn - khoa dinh dưỡng.

- Quy trình công nghệ: Nước thải nhà ăn → song chắn rác → ngăn tách mỡ → ga thu nước thải → trạm xử lý nước thải tập trung.

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.3. Trạm xử lý nước thải tập trung

1.2.3.1. Trạm xử lý nước thải công suất 120 m³/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ xử lý AAO kết hợp màng lọc MBR.

- Quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt, nước thải y tế → hố thu → bể lắng sơ cấp → bể kỵ khí → bể thiếu khí → bể hiếu khí + màng lọc MBR → bể khử trùng → xả thải ra rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Bùn thải từ bể hiếu khí → bể chứa bùn → hút bùn.

- Công suất thiết kế: 120 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng (viên nén Clorua vôi, CaClO₂) khoảng 3-5g/m³/ngày; NaOH khoảng 20g/m³/ngày; methanol khoảng 30g/m³/ngày.

1.2.3.2. Trạm xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ xử lý AAO kết hợp giá thể lọc.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt, nước thải y tế → hố thu → bể tách cặn số 1 → bể tách cặn số 2 → bể điều hoà → hộp điều chỉnh lưu lượng → 2 bể tách rắn lỏng → 02 module hợp khối vận hành song song, mỗi module công suất 50m³/ngày đêm (Ngăn lọc kỵ khí → ngăn lọc số 1 → ngăn đệm vi sinh → ngăn lọc số 2 → ngăn nước sau xử lý → ngăn khử trùng) → ngăn chứa bơm đầu ra → xả ra rãnh thoát nước chung của khu vực.

+ Bùn thải từ ngăn lọc số 2 → bể tách rắn lỏng → hút bùn.

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất khử trùng (viên nén Clorua vôi, CaClO₂) khoảng 3-5g/m³/ngày, NaOH khoảng 20g/m³/ngày; methanol khoảng 30g/m³/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phân công cán bộ trực vận hành, kiểm tra thường xuyên các bể xử lý nước thải; vận hành hệ thống thu gom và Trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình;

thường xuyên kiểm tra hoạt động của máy bơm và hệ thống công rãnh thu, thoát nước để phát hiện sớm các sự cố môi trường.

- Biện pháp ứng phó sự cố:

+ Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải xử lý không đạt tiêu chuẩn, tạm dừng hoạt động trạm xử lý nước thải, đóng van thoát nước, nước chưa xử lý được lưu chứa tại các bể gom, các bể xử lý đồng thời báo ngay cho nhà cung cấp để khắc phục sự cố trong vòng 1-2 ngày. Sau khi sự cố được khắc phục, bơm nước tại các bể xử lý ngược về bể tách rắn lỏng để tiếp tục quá trình xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả ra môi trường. Hợp đồng chuyển giao nước thải với cơ sở tiếp nhận nước thải trong trường hợp lượng nước thải vượt quá khả năng lưu giữ của các bể tại trạm.

+ Định kỳ phối hợp với nhà cung cấp thiết bị duy tu, bảo dưỡng thiết bị máy móc của Trạm xử lý nước thải.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 01 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m³/ngày đêm.

- Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào và đầu ra của Trạm xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này).

Tần suất lấy mẫu:

| Kế hoạch quan trắc | Các thông số quan trắc | Vị trí quan trắc | Tần suất | Số lượng mẫu | Tiêu chuẩn quy chuẩn so sánh |
|----------------------------|---|--|---------------------------------|--------------|---|
| Giai đoạn vận hành ổn định | pH, BOD, COD, TSS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, dầu mỡ động thực vật, Tổng coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae | Nước thải đầu vào tại hố thu | 01 lần | 01 | QCVN 28:2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế (cột B, k = 1). |
| | | Nước thải đầu ra tại hố ga đầu nổi vào hệ thống thoát nước chung của Khu vực | 01 lần/ngày (03 ngày liên tiếp) | 03 | |

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường

của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo nước thải sau xử lý đạt yêu cầu về chất lượng nước thải theo quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phải gắn biển báo tại điểm xả nước thải (phải có tọa độ, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải) theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải; ghi nhật ký vận hành trạm xử lý nước thải đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, khối lượng bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.3. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu xả nước thải ra môi trường chưa đáp ứng quy định về xả thải.

3.4. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác phòng chống và ứng phó sự cố môi trường có thể xảy ra trong quá trình vận hành các công trình xử lý nước thải của Dự án./.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2444/GPMT-UBND ngày 23 / 8 /2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hoạt động của nồi hơi tại khoa Dược.

2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: Dòng khí thải số 1: Tương ứng với ống khói của hệ thống nồi hơi khoa Dược. Tọa độ: X=2317751; Y =435512.

(Tọa độ theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiều 3°):

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất khoảng 100m³/giờ.


2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn, chỉ xả khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật về môi trường đối với khí thải: QCVN 5:2020/QN – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh (Kp=1, Kv=0,6).

| STT | Chất ô nhiễm | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ | Quan trắc tự động liên tục |
|-----|---|--------------------|---------------------------|---|---|
| 1 | Bụi tổng | mg/Nm ³ | 120 | Không thuộc đối tượng quan trắc môi trường định kỳ (theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ) | Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ) |
| 2 | CO | mg/Nm ³ | 600 | | |
| 3 | SO ₂ | mg/Nm ³ | 300 | | |
| 4 | NO _x , tính theo NO ₂ | mg/Nm ³ | 510 | | |

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).



B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ khu vực đặt nồi hơi được thu gom và xả ra ống thoát khí thải đường kính $\Phi 270$, chiều cao 9m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Không có.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Bố trí cán bộ nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Khí thải từ nồi hơi (nhiên liệu sử dụng là dầu DO) không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải trước khi xả vào môi trường, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm hàng hóa để đảm bảo khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định QCVN 5:2020/QN – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ tỉnh Quảng Ninh./.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2444/GPMT-UBND ngày 23 / 8/2024 của UBND tỉnh Quảng Ninh)



A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Máy thổi khí của Trạm xử lý công suất 120 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 2: Máy thổi khí của Trạm xử lý công suất 100 m³/ngày đêm.
- Nguồn số 3: Nồi hơi tại khoa Dược.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Máy thổi khí của trạm xử lý công suất 120 m³/ngày đêm:
X = 2317687 Y = 435552.

- Nguồn số 2: Máy thổi khí của trạm xử lý công suất 100 m³/ngày đêm:
X = 2317684 Y = 435539.

- Nguồn số 3: Nồi hơi tại khoa Dược: X=2317751; Y =435512.

(Tọa độ theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°):

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

| TT | Từ 6-21 giờ (dBA) | Từ 21-6 giờ (dBA) | Ghi chú |
|----|-------------------|-------------------|------------------|
| 1 | 55 | 45 | Khu vực đặc biệt |

3.2. Độ rung:

| TT | Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung (dB) | | Ghi chú |
|----|---|-------------|------------------|
| | Từ 6-21 giờ | Từ 21-6 giờ | |
| 1 | 60 | 55 | Khu vực đặc biệt |

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyển báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Trồng cây xanh theo đúng quy hoạch đảm bảo giảm thiểu sự lan truyền tiếng ồn, từ khu vực xung quanh đến cơ sở.

Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng nồi hơi; vận hành theo hướng dẫn sử dụng.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

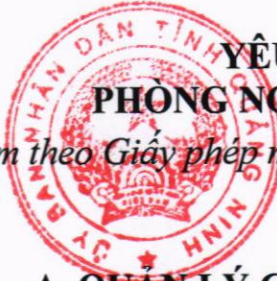
2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2444 /GPMT-UBND ngày 23 / 8 /2024
của UBND tỉnh Quảng Ninh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:**

| STT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại | Mã chất thải | Khối lượng phát sinh dự kiến (kg/năm) |
|-------------|--|--------------------|--------------|---------------------------------------|
| 1 | Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) | Rắn | 13 01 01 | 5.092 |
| 2 | Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải | Rắn | 16 01 06 | 47,6 |
| 3 | Pin thải | Rắn | 16 01 12 | 152,4 |
| 4 | Mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải | Rắn | 08 02 01 | 23,5 |
| 5 | Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (<i>Vỏ lọ và hóa chất hết hạn</i>) | Rắn | 13 01 02 | 22,1 |
| Tổng | | | | 5.337,6 |

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn thông thường không tái chế: Bùn thải trạm xử lý nước thải với khối lượng khoảng 160 kg/năm.

- Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 41.483 kg/năm.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:****2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Đối với chất thải y tế lây nhiễm: Túi, thùng, hộp (kháng trùng nếu đựng chất thải lây nhiễm sắc nhọn) màu vàng có quai, thành và đáy cứng không bị xuyên thủng, không thấm, có nắp đóng mở dễ dàng, miệng hộp đủ lớn để cho vật sắc nhọn vào.

- Đối với chất thải y tế không lây nhiễm: Đựng trong túi nhựa PE màu đen và thùng nhựa màu đen có kích thước phù hợp với lượng chất thải phát sinh. Bên ngoài túi có đường kẻ ngang ở mức $\frac{3}{4}$ túi và dòng chữ: Không được đựng quá vạch này. Các thùng chứa có biển cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến CTNH và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2.1.2. Kho/ khu vực lưu chứa trong nhà

+ Diện tích kho: 14 m².

+ Vị trí: Phía Tây Bắc Bệnh viện.

+ Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho khép kín, tường gạch, nền lát gạch men, có gờ chống tràn, cửa ra vào bằng sắt. Bên ngoài cửa kho có biển, dấu hiệu cảnh báo theo quy định. Bên trong lắp đặt vách ngăn chia kho thành 2 khu vực gồm: Khu lưu giữ chất thải nguy hại và khu lưu giữ chất thải y tế.

+ Bố trí 01 tủ bảo ôn dung tích 300 lít để lưu chứa các loại chất thải y tế.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải được lưu chứa trong bể chứa bùn. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý theo quy định khi bể chứa bùn đầy.

2.2.2. Khu/ khu vực lưu chứa trong nhà: Không có.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Túi, thùng rác bằng nhựa màu xanh dung tích 20 đến 120 lít có nắp đậy được bố trí xung quanh các khu vực khám chữa bệnh, văn phòng, nhà ăn, tuyến đường đi lại trong khuôn viên bệnh viện.

- Bố trí 10 xe gom rác đẩy tay tại khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho/ khu vực lưu chứa:

- Diện tích: Khoảng 34 m².

- Vị trí: Phía Đông Bắc Bệnh viện.

- Kết cấu: Mái che kín xung quanh, nền lát gạch có lỗ thu nước rỉ rác, có rãnh và hệ thống thoát nước đảm bảo.

- Thực hiện quản lý chất thải sinh hoạt theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Tài nguyên và Môi trường quy định chi

tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

(Chi tiết thể hiện tại nội dung quyền báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường do chủ đầu tư xây dựng, đã được Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của tỉnh thẩm định, thông qua theo quy định).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

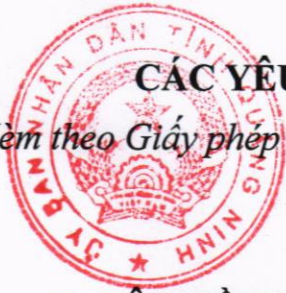
- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.

PHỤ LỤC 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2444/GPMT-UBND ngày 23 / 8 /2024
của UBND tỉnh Quảng Ninh)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và kiểm soát chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện theo đúng quy định của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường và các hướng dẫn khác của các cơ quan có thẩm quyền.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật, thu gom và xử lý tất cả các loại chất thải phát sinh của cơ sở đảm bảo đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, địa phương về môi trường hiện hành và các quy định pháp luật khác có liên quan trước khi xả thải ra môi trường, nhằm đảm bảo các hoạt động của cơ sở không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả tái sử dụng; Quản lý thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải y tế, chất thải rắn nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Thực hiện nghiêm túc quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày

06/4/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của UBND tỉnh về thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh trong quá trình thu gom, xử lý nước thải của Bệnh viện.

- Vận hành thường xuyên 02 trạm xử lý nước thải để thu gom xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt, nước thải y tế phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện đạt QCVN 28:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải Y tế (Cột B) trước khi xả ra môi trường. Chỉ được phép xả nước thải sau xử lý của Bệnh viện với lưu lượng tối đa là 220 m³/ngày đêm.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động của Bệnh viện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực hoạt động của Bệnh viện.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình hoạt động (nếu có), Chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long để được hướng dẫn giải quyết.

- Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.